

Số: 2305 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 25 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong tỉnh Nam Định lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4520/TTr-STNMT ngày 24/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 16 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh Nam Định (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP11.

CHỦ TỊCH

Phạm Đình Nghị

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG TỈNH NAM ĐỊNH
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
1	Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Bảo vệ môi trường
2	Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh	
3	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh	
4	Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn	
5	Ban hành Quyết định về việc xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát triển trên địa bàn quản lý trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch	
6	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương	Khoáng sản
7	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	
8	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
9	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác	Tài chính
10	Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biên cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biên trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biên của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
11	Xét thăng hạng địa chính viên hạng III	Tổ chức cán bộ
12	Xét thăng hạng điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	
13	Xét thăng hạng quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	

14	Xét thăng hạng đo đạc bản đồ viên hạng III	
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN	
15	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn	Bảo vệ môi trường
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
16	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình	Bảo vệ môi trường

Phần II **NỘI DUNG CỤ THỂ**

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Phê duyệt kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị cho lập nhiệm vụ xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường lập đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của nhiệm vụ sau khi UBND tỉnh có văn bản đồng ý chủ trương.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình Sở Tài chính thẩm định dự toán chi tiết của nhiệm vụ;

- Bước 4: Sở Tài chính có văn bản thẩm định dự toán của nhiệm vụ.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt đề cương và dự toán của nhiệm vụ.

- Bước 6: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết của nhiệm vụ.

- Bước 7: Nếu nhiệm vụ dưới 100 triệu: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ định thầu để lựa chọn đơn vị tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

- Bước 8: Nếu nhiệm vụ từ 100 triệu trở lên: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện nhiệm vụ trình Sở Tài chính và UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 9: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Bước 10: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ban hành quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; ký hợp đồng tư vấn với nhà thầu.

- Bước 11: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập ban quản lý đề án/nhiệm vụ (nếu cần) và phối hợp với nhà thầu thực hiện nhiệm vụ, xây dựng dự thảo kế hoạch.

- Bước 12: Tổ chức tham vấn, lấy ý kiến của các sở, ban ngành, UBND các huyện có liên quan. Tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo kế hoạch và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch.

- Bước 13: UBND tỉnh ban hành kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

- Bước 14: Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu nhiệm vụ, thanh lý

hợp đồng với nhà thầu.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình/văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh/Sở Tài chính.

+ Văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

+ Văn bản của UBND tỉnh về cho phép lập đề cương nhiệm vụ.

+ Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương chi tiết, dự toán của nhiệm vụ.

+ Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

+ Quyết định chỉ định thầu của UBND tỉnh hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

+ Hợp đồng tư vấn.

+ Dự thảo Kế hoạch.

+ Dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch.

+ Văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

+ Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu hoàn thiện dự thảo kế hoạch.

+ Biên bản nghiệm thu, thanh lý hóa đơn chứng từ liên quan.

Số lượng: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Không quy định

Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả: Quyết định phê duyệt Kế hoạch và sản phẩm của nhiệm vụ.

Phí, lệ phí: Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị cho lập đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

- Bước 2: UBND tỉnh có Văn bản đồng ý chủ trương cho lập đề án/nhiệm

vụ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của đề án/nhiệm vụ.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình Sở Tài chính thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của đề án/nhiệm vụ trình UBND tỉnh phê duyệt; trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật của đề án/nhiệm vụ.

- Bước 5: Sở Tài chính có văn bản thẩm định dự toán của đề án/nhiệm vụ.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt đề cương và dự toán của đề án/nhiệm vụ.

- Bước 7: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề cương và dự toán của đề án/nhiệm vụ.

- Bước 8: Nếu đề án/nhiệm vụ dưới 100 triệu: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ định thầu.

- Bước 9: Nếu đề án/nhiệm vụ từ 100 triệu trở lên: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Tài chính và UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 10: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Bước 11: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Bước 12: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập BQL đề án/nhiệm vụ (nếu cần) và phối hợp với nhà thầu thực hiện .

- Bước 13: Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu đề án/nhiệm vụ.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình/văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh/Sở Tài chính.

- Văn bản thẩm định của Sở Tài chính.

- Văn bản của UBND tỉnh về cho phép lập đề cương nhiệm vụ đề án/nhiệm vụ.

- Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán của đề án/nhiệm vụ.

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện đề án/nhiệm vụ.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh.

Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí thực hiện do ngân sách sự nghiệp môi trường tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì tham mưu UBND tỉnh lập dự thảo kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn của tỉnh (sau đây gọi tắt là Kế hoạch)

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường xin ý kiến các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố đối với dự thảo kế hoạch và chỉnh sửa kế hoạch theo ý kiến của các đơn vị.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh dự thảo văn bản gửi các bộ và cơ quan ngang bộ có liên quan (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Bộ y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,.....) đối với dự thảo kế hoạch.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh sửa, bổ sung dự thảo kế hoạch theo ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan và có văn bản trình UBND tỉnh.

- Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND các huyện, thành phố, các sở ngành có liên quan góp ý dự thảo kế hoạch.

- Văn bản UBND tỉnh gửi UBND các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan góp ý dự thảo kế hoạch.

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch.

- Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị cho lập dự án/đề án/nhiệm vụ xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất).

- Bước 2: UBND tỉnh có văn bản đồng ý chủ trương cho lập dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của dự án.

- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình Sở Tài chính thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của dự án/đề án/nhiệm vụ trình UBND tỉnh phê duyệt; trình Sở Xây dựng thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật của dự án.

- Bước 5: Sở Tài chính có văn bản thẩm định dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt đề cương và dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Bước 7: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề cương và dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Bước 8:

+ Nếu dự án/đề án/nhiệm vụ dưới 100 triệu: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ định thầu.

+ Nếu dự án/đề án/nhiệm vụ từ 100 triệu trở lên: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Tài chính và UBND tỉnh phê duyệt.

- Bước 9: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Bước 10: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Bước 11: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập ban quản lý dự án/đề án/nhiệm vụ (nếu cần) và phối hợp với nhà thầu thực hiện.

- Bước 12: Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu dự án.

- Bước 13: UBND tỉnh công bố hoặc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường công bố thông tin cho cộng đồng về kết quả xử lý, cải tạo và phục hồi

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình/văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh/Sở Tài chính/Sở Xây dựng.

- Văn bản thẩm định của Sở Tài chính, Sở Xây dựng.

- Văn bản của UBND tỉnh về cho phép lập đề cương nhiệm vụ dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán của dự án.

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện dự án.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Không quy định

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện: Khu vực ô nhiễm được xử lý, cải thiện.

Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí thực hiện do ngân sách sự nghiệp môi trường tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Mẫu số 05 - phụ lục I - Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Cấu trúc và nội dung phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất

Chương I: THÔNG TIN CHUNG

1. Căn cứ thực hiện

Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường làm căn cứ để thực hiện dự án.

2. Thông tin chung

2.1. Giới thiệu về phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường (Nêu tên phương án, địa điểm thực hiện...)

2.2. Giới thiệu về các bên liên quan chính:

Các bên liên quan chính bao gồm: chủ đầu tư, cơ quan chủ quản, đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp, cơ quan tư vấn, đơn vị hưởng lợi v.v... Đối với mỗi bên liên quan, cần trình bày những thông tin về tên, người đại diện/liên hệ chính, địa chỉ, số điện thoại, email.

Chương II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM

Chương này trình bày những kết quả điều tra, đánh giá về phạm vi và mức độ ô nhiễm của khu vực. Các báo cáo điều tra, đánh giá sơ bộ và chi tiết về khu vực đã thực hiện cần được đính kèm. Những thông tin chính cần được nêu tại chương này bao gồm:

1. Thông tin nền về địa phương

Liệt kê những thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa phương bao gồm:

1.1. Điều kiện tự nhiên

Nêu tóm tắt các nội dung sau: Các đặc điểm địa hình, địa chất và thủy văn; thông tin về tính chất đất tại khu vực ô nhiễm (tính chất lý, hóa, các đặc trưng, hình thái và phẫu diện các loại đất chính của địa phương); các đặc điểm về khí hậu/thời tiết; các đặc điểm về thủy văn của địa phương, trong đó đặc biệt là những thông tin về tầng nước ngầm và các đặc trưng dòng chảy bề mặt chính.

1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

Nêu tóm tắt các nội dung sau: Dân số địa phương, đặc biệt là số hộ dân và số người sống xung quanh khu vực ô nhiễm; hiện trạng sử dụng đất và quy hoạch sử dụng đất của địa phương, các điều kiện sinh hoạt, vệ sinh nói chung và sức khỏe của nhân dân, có đề cập đến những ảnh hưởng đến sức khỏe do khu vực bị ô nhiễm gây ra;

2. Thông tin về khu vực bị ô nhiễm

2.1. Vị trí khu vực: Địa chỉ, vị trí địa lý, tọa độ địa lý, độ cao so với mực nước biển, ranh giới của khu vực bị ô nhiễm, chủ sở hữu hiện tại và người liên hệ chính.

2.2. Lịch sử hoạt động khu vực: Thời gian bắt đầu hoạt động, thời gian đóng cửa; Các hoạt động tại khu vực; Những vấn đề/ý kiến phản nàn hoặc khiếu nại được ghi nhận liên quan đến hoạt động của khu vực.

2.3. Nguyên nhân ô nhiễm

2.4. Hiện trạng sử dụng đất tại khu vực: Nêu rõ hiện trạng sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực; Quy hoạch sử dụng đất của khu vực và vùng xung quanh khu vực theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.5. Bản đồ và ảnh: Bản đồ phác thảo của khu vực; hình ảnh (tổng hợp hình ảnh toàn cảnh, ảnh thể hiện ranh giới khu vực, ảnh của các đối tượng ô nhiễm chính,...).

3. Phạm vi và mức độ ô nhiễm

3.1. Các đợt điều tra, khảo sát đã thực hiện:

Liệt kê các đợt khảo sát đã thực hiện, trình bày trong bảng sau:

a) Kết quả điều tra, đánh giá sơ bộ;

b) Kết quả điều tra, đánh giá chi tiết;

c) Khảo sát, đánh giá bổ sung nhằm khoanh vùng chính xác khu vực ô nhiễm có mức độ rủi ro cao.

3.2. Kết quả khoanh vùng phạm vi ô nhiễm: Cần nêu được các nguồn ô nhiễm có trong khu vực; phạm vi của khu vực bị ô nhiễm và phạm vi của các nguồn ô nhiễm có trong khu vực (phạm vi cần được thể hiện cả về diện tích lẫn chiều sâu).

3.3. Kết quả quan trắc và phân tích môi trường

Nêu rõ thuyết minh phương pháp luận lấy mẫu gồm: sơ đồ và vị trí lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu, thời gian lấy mẫu, số lần lấy mẫu, loại mẫu, độ sâu lấy mẫu, chỉ tiêu phân tích. Trong phần này, phải kèm theo các hình vẽ, sơ đồ về vị trí lấy mẫu.

Diễn giải các kết quả phân tích (đất, trầm tích đáy, nước mặt và nước ngầm). Có thể diễn giải theo bảng biểu, so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành.

3.4. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm

Bản đồ khu vực bị ô nhiễm mô tả đầy đủ hiện trạng ô nhiễm của khu vực, trong đó mô tả chi tiết các nguồn gây ô nhiễm tồn lưu, đường lan truyền ô nhiễm và đối tượng bị tác động. Bản đồ khu vực bị ô nhiễm trước hết là sơ đồ mặt bằng khu vực và sơ đồ lát cắt dọc địa hình.

3.5. Kết quả đánh giá mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm: mô tả được việc áp dụng phương pháp đánh giá mức độ rủi ro của khu vực bị ô nhiễm.

3.6. Đánh giá tác động của khu vực bị ô nhiễm dựa trên 3 yếu tố: ảnh hưởng

đến sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái và khả năng lan truyền ô nhiễm.

Chương III. LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

1. Các biện pháp kỹ thuật

Đối với từng đối tượng tồn tại trong khu vực bị ô nhiễm, đưa ra các biện pháp kỹ thuật để cải tạo và phục hồi môi trường khác nhau. Các biện pháp kỹ thuật có thể được chia ra thành các giai đoạn như sau:

a) Các biện pháp bảo vệ đối tượng bị tác động trước khi xử lý

- Thông báo cho các đối tượng bị tác động, các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng về tình trạng của khu vực;

- Ngăn ngừa tiếp xúc với chất ô nhiễm bằng cách lập rào chắn cách ly khu vực và niêm phong và đóng cửa khu nhà bị ô nhiễm;

- Hạn chế hoặc cấm sử dụng đất và nước ngầm, hoặc di dời tạm thời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm;

- Di dời các đối tượng bị tác động ra khỏi khu vực ô nhiễm.

b) Các biện pháp xử lý nguồn ô nhiễm và ngăn chặn lan truyền

- Xử lý tại chỗ hoặc bóc xúc, vận chuyển đi xử lý các nguồn ô nhiễm;

- Bao vây, cô lập lâu dài các nguồn ô nhiễm và các khu vực ô nhiễm xung quanh;

- Bơm và xử lý nước ngầm (nếu có);

- Tiến hành các biện pháp cách ly các khu vực đất/trầm tích đáy bị ô nhiễm còn lại, hoặc triển khai các biện pháp xử lý/cải tạo các khu vực này;

- Thiết lập các màng ngăn thẩm thấu để ngăn ngừa chất ô nhiễm lan truyền thông qua nước ngầm.

c) Các biện pháp kiểm soát khu vực bị ô nhiễm sau khi xử lý

- Thông báo công khai, cảnh báo và duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm.

- Khoanh vùng, cô lập, cách ly nhằm ngăn ngừa các tác động của khu vực bị ô nhiễm và chất gây ô nhiễm lan truyền ra môi trường xung quanh;

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm để chủ động phòng tránh các tác động do ô nhiễm môi trường gây ra;

- Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường xung quanh và công bố thông tin.

2. Bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật

Lập bảng so sánh các biện pháp kỹ thuật để xây dựng, lựa chọn phương án tối ưu cho việc cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm. Việc xác định các biện pháp kỹ thuật có thể dựa vào các tiêu chí sau:

a) Mức độ giảm thiểu rủi ro mà biện pháp kỹ thuật có thể đạt được;

b) Mức độ tin cậy của công nghệ và/hoặc biện pháp đề xuất (những tác động gây ra cho đất, nước ngầm và không khí trong và sau khi thực hiện phương án; hiệu suất xử lý v.v...);

c) Chi phí thực hiện biện pháp kỹ thuật;

d) Thời gian thực hiện;

đ) Tính khả thi về mặt kỹ thuật, và tính khả thi của công nghệ xử lý được đề xuất khi triển khai;

e) Các tác động khác của biện pháp nếu được thực hiện.

Trên cơ sở các phân tích các tiêu chí nêu trên, lựa chọn các biện pháp kỹ thuật tối ưu của từng mức độ ưu tiên xử lý khu vực bị ô nhiễm để tổng hợp, lựa chọn phương án xử lý ô nhiễm tối ưu nhất (có thể lựa chọn một hay kết hợp nhiều biện pháp tùy thuộc đối tượng bị tác động và mức độ ô nhiễm).

Chương IV. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ ĐƯỢC LỰA CHỌN

1. Nội dung và kế hoạch xử lý:

1.1. Nội dung

Phần này sẽ tập trung nêu chi tiết các hạng mục công việc sẽ thực hiện, với các khối lượng công việc được định lượng một cách cụ thể và chi tiết, về cơ bản, phần nội dung sẽ phụ thuộc vào từng dự án cụ thể, tuy nhiên có thể tóm tắt tổng quát như sau:

a) Ngăn ngừa, xử lý hoặc loại bỏ các nguồn ô nhiễm;

b) Ngăn chặn các đường lan truyền ô nhiễm;

c) Bảo vệ các đối tượng bị tác động.

1.2. Kế hoạch xử lý

Đối với từng hạng mục công trình hoặc các biện pháp để cải tạo và phục hồi môi trường khu vực bị ô nhiễm, lập kế hoạch xử lý bao gồm các nội dung sau:

- Thời gian, tiến độ thực hiện các hạng mục công trình hoặc các biện pháp kỹ thuật;

- Liệt kê khối lượng công việc cần phải làm cho từng hạng mục công trình, hoặc các biện pháp kỹ thuật;

- Liệt kê các thiết bị và nhân công để thực hiện;

- Phân công đơn vị, nhân sự để quản lý, giám sát triển khai từng hạng mục công trình.

2. Các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường

Xác định những tác động tiêu cực đến môi trường gây ra trong suốt quá trình thực hiện phương án từ giai đoạn giải phóng mặt bằng đến giai đoạn giám

sát, quản lý sau xử lý (nêu những tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

Các biện pháp bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thực hiện phương án (nêu những biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước,...).

Chương V. GIÁM SÁT TRONG VÀ SAU XỬ LÝ

1. Giám sát trong quá trình xử lý

Nêu kế hoạch và cách thức giám sát chất lượng kỹ thuật của công tác xử lý, cải tạo phục hồi môi trường trong quá trình thực hiện phương án.

Căn cứ vào từng nội dung dự án cụ thể xác định các tác động môi trường, xác định các rủi ro an toàn lao động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu.

Đảm bảo phân kinh phí lấy mẫu độc lập để đánh giá giám sát trong quá trình xử lý.

2. Kiểm soát sau xử lý

Trong trường hợp chưa thể loại bỏ hết những tác động đến sức khỏe và môi trường do tác động của các chất gây ô nhiễm tồn lưu; những công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đã xây dựng cần quản lý và duy trì để đảm bảo các rủi ro được kiểm soát. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- a) Duy trì cảnh báo khu vực bị ô nhiễm;
- b) Truyền thông, nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân liên quan, cộng đồng sống xung quanh khu vực bị ô nhiễm;
- c) Duy tu, bảo dưỡng các công trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường;
- d) Theo dõi, quan trắc định kỳ chất lượng môi trường tại khu vực bị ô nhiễm và môi trường xung quanh; công bố thông tin về chất lượng môi trường.

Phụ lục

Hình ảnh về khu vực bị ô nhiễm: Cần đưa ra đầy đủ hình ảnh, bản đồ và sơ đồ chi tiết về khu vực bị ô nhiễm bao gồm nguồn ô nhiễm tồn lưu, các đối tượng bị tác động và môi trường xung quanh.

5. Ban hành Quyết định về việc xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát triển trên địa bàn quản lý trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị cho lập dự án/đề án/nhiệm vụ thực hiện phân vùng môi trường
- Bước 2: UBND tỉnh có văn bản đồng ý chủ trương cho lập dự án/đề án/nhiệm vụ.
- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của dự án/nhiệm vụ/dự án.
- Bước 4: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình Sở Tài chính thẩm định đề cương nhiệm vụ và dự toán chi tiết của dự án/đề án/nhiệm vụ trình UBND tỉnh phê duyệt;
- Bước 5: Sở Tài chính có văn bản thẩm định dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.
- Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt đề cương và dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.
- Bước 7: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt đề cương và dự toán của dự án/đề án/nhiệm vụ.
- Bước 8:
 - + Nếu dự án/đề án/nhiệm vụ dưới 100 triệu: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ định thầu.
 - + Nếu dự án/đề án/nhiệm vụ từ 100 triệu trở lên: Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Sở Tài chính và UBND tỉnh phê duyệt.
- Bước 9: UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.
- Bước 10: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu và ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu .
- Bước 11: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập BQL dự án/đề án/nhiệm vụ (nếu cần) và phối hợp với nhà thầu thực hiện
- Bước 12: Sở Tài nguyên và Môi trường nghiệm thu dự án/nhiệm vụ và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát triển trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch gửi xin ý kiến các Sở ngành có liên quan và đăng tải công khai trên cổng thông tin của UBND tỉnh xin ý kiến.
- Bước 13: Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến của các Sở ngành và UBND các huyện, thành phố Nam Định và thẩm định của Sở Tư pháp; hoàn thiện Quyết định trình UBND tỉnh về xác định vị trí, ranh giới của vùng

bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

- Bước 14: UBND tỉnh công bố hoặc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình/văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường gửi UBND tỉnh/Sở Tài chính/Sở Tư pháp.

- Văn bản thẩm định của Sở Tài chính, Sở Tư pháp và UBND các huyện, thành phố Nam Định.

- Văn bản của UBND tỉnh về cho phép lập đề cương nhiệm vụ dự án/đề án/nhiệm vụ.

- Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ, dự toán của dự án.

- Quyết định phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

- Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả: Xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch và lộ trình di dời các cơ sở theo quy định trong quyết định.

Phí, lệ phí (nếu có): Kinh phí thực hiện do ngân sách sự nghiệp môi trường tỉnh và ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có).

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương

Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi có khoáng sản để lập Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh theo các nội dung chính quy định tại Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ: Không quy định.

Thời gian thực hiện: Không quy định.

Đối tượng thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Khoáng sản năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

7. Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Bản thuyết minh gồm các nội dung chính: Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoanh định; nguyên tắc, phương pháp khoanh định; kết quả khoanh định theo từng lĩnh vực và tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khếp góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh. Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bản đồ thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm trên nền địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1/200.000 - 1/100.000, bao gồm cả đới hành lang bảo vệ, an toàn cho khu vực đã khoanh định (nếu có). Đối với các khu vực phức tạp, thể hiện trên các bản vẽ chi tiết tỷ lệ từ 1/25.000 - 1/10.000 hoặc lớn hơn.

Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.

Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Cơ quan giải quyết: Thủ tướng Chính phủ.

Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Khoáng sản năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

8. Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ: Không quy định.

Thời gian thực hiện: Không quy định.

Đối tượng thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Khoáng sản năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

9. Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác

Trình tự thực hiện

- Bước 1: UBND cấp huyện nơi có khoáng sản được khai thác lập dự toán đề nghị ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương gửi cơ quan tài nguyên và môi trường, đồng thời tổng hợp vào dự toán năm sau để gửi cơ quan tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Các hạng mục công trình được hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Khoản 2, Điều 15 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Cơ quan tài chính tổng hợp dự toán báo cáo UBND tỉnh xem xét.

- Bước 3: UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự toán ngân sách năm sau trong đó có nội dung chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác

- Bước 4: Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua dự toán ngân sách trong đó có nội dung chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ: Không quy định.

Thời gian thực hiện: Không quy định.

Đối tượng thực hiện: UBND các huyện nơi có khoáng sản được khai thác.

Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết quả thực hiện: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Khoáng sản năm 2010.
- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.
- Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ.

10. Ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương thực hiện nhiệm vụ xây dựng mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền giao.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ (tổ chức điều tra, khảo sát, phối hợp với UBND cấp xã, cấp huyện nơi có khu vực biển). Tổng hợp hoàn thiện báo cáo thuyết minh tổng hợp, xây dựng dự thảo quyết định ban hành mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

- Bước 3: Đăng công khai và lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Bước 4: Tổng hợp báo cáo giải trình các ý kiến góp ý và gửi đơn vị có chức năng thẩm định (nếu có).

- Bước 5: Kết thúc công khai, tổng hợp báo cáo (bao gồm cả văn bản của đơn vị thẩm định - nếu có) gửi Sở Tư pháp thẩm định.

- Bước 6: Trình UBND tỉnh phê duyệt mức thu tiền sử dụng khu vực biển cụ thể đối với từng nhóm hoạt động sử dụng khu vực biển trên địa bàn tỉnh.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ: Không quy định.

Thời gian thực hiện: Không quy định.

Đối tượng thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kết quả thực hiện: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Biên Việt Nam năm 2012;
- Luật Tài nguyên Môi trường biển và Hải đảo năm 2015.
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.
- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ.

11. Xét thăng hạng địa chính viên hạng III

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên cơ sở đề nghị của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; lập Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Bước 2: UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Căn cứ kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng.

- Bước 4: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 6: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tổ chức thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Bước 8: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Bước 9: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

Viên chức đăng kí dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV).

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng kí dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định; nhận xét cụ thể về:

- + Trình độ đào tạo.

- + Từng tiêu chí theo yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các CDNN dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định.

- + Nhận xét về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng CDNN (gồm: Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 bản photo công chứng, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 của cả cơ quan, đơn vị).

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân: Quyết định tuyển dụng, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định CDNN khác (nếu có thay đổi CDNN trong quá trình công tác) quyết định lương hiện hưởng.

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Không quy định

Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức.

Phí, lệ phí (nếu có): Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sơ yếu lý lịch viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV

Yêu cầu, điều kiện: Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015, được sửa đổi tại Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022. Cụ thể:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm hoặc ngành, chuyên ngành đất đai, địa chính, bản đồ, trắc địa, viễn thám, địa lý.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Am hiểu pháp luật đất đai.

- Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến đất đai.

- Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định khác về đất đai.

- Có khả năng triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Viên chức thăng hạng từ chức danh địa chính viên hạng IV lên chức danh địa chính viên hạng III phải có thời gian giữ chức danh địa chính viên hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng”

Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức năm 2010.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành tài nguyên và môi trường.

- Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên mầm non hợp đồng, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thuộc tỉnh Nam Định.

Cơ quan quản lý viên chức.....Số hiệu viên chức.....
Đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính (nam, nữ):.....
 4) Nơi sinh: Xã/Phường.....Huyện/Quận.....Tỉnh/Thành phố.....
 5) Quê quán: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 6) Dân tộc:..... 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../..... Cơ quan, đơn vị tuyển dụng:.....
- 12.1- Chức danh (chức vụ) công tác hiện tại:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 12.2- Chức danh (chức vụ) kiêm nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:..... Mã số:.....
 Bậc lương:..... Hệ số:..... Ngày hưởng:/...../..... Phụ cấp chức danh:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Th.s, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:..... 15.4-Quản lý nhà nước:
- (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự.)*
- 15.5-Trình độ nghiệp vụ theo chuyên ngành:.....
- 15.6-Ngoại ngữ:..... 15.7-Tin học:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ: TS, Ths, DH, Bậc 1 đến bậc 6) (Trình độ: TS, Ths, DH, Kỹ năng 01 đến Kỹ năng 15)*
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, ... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 19.1- Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú, ...)
- 19.2- Học hàm được phong (Giáo sư, Phó giáo sư):..... Năm được phong:.....
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:..... 22) Kỷ luật :
- (Hình thức cao nhất, năm nào?) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào?)*
- 23) Tình trạng sức khỏe:..... Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg, Nhóm máu:.....
- 24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:...../...../.....26) Số BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Ghi chú:

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, từ xa, liên thông, bồi dưỡng.
- Văn bằng, chứng chỉ: TSKH, TS, chuyên khoa II, Ths, chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ,...

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đang, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội) kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

.....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?

.....

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm																				
Mã số																				
Bậc lương																				
Hệ số lương																				

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời
khai trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

12. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên cơ sở đề nghị của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; lập Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Bước 2: UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; căn cứ kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng.

- Bước 4: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 6: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tổ chức thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Bước 8: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Bước 9: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

Thành phần hồ sơ:

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm

nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV).

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng kí dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định; nhận xét cụ thể về:

+ Trình độ đào tạo.

+ Từng tiêu chí theo yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các CDNN dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định.

+ Nhận xét về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng CDNN (gồm: Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 bản photo công chứng, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 của cả cơ quan, đơn vị).

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân: Quyết định tuyển dụng, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định CDNN khác (nếu có thay đổi CDNN trong quá trình công tác) quyết định lương hiện hưởng.

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức.

Phí, lệ phí (nếu có): Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sơ yếu lý lịch viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV.

Yêu cầu, điều kiện: Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức

theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015, được sửa đổi tại Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022. Cụ thể:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm hoặc ngành, chuyên ngành địa chất, khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng, thủy văn, thủy lợi, hải văn, hải dương, đất đai, địa chính, địa lý, môi trường, biển, biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Am hiểu pháp luật môi trường.

- Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến môi trường.

- Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định khác về điều tra tài nguyên môi trường.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Viên chức thăng hạng từ chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV lên chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III phải có thời gian giữ chức danh điều tra viên tài nguyên môi trường hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng”.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức năm 2010;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định.

Cơ quan quản lý viên chức.....Số hiệu viên chức.....
Đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính (nam, nữ):.....
4) Nơi sinh: Xã/Phường.....Huyện/Quận.....Tỉnh/Thành phố.....
5) Quê quán: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 6) Dân tộc:..... 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../..... Cơ quan, đơn vị tuyển dụng:.....
- 12.1- Chức danh (chức vụ) công tác hiện tại:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 12.2- Chức danh (chức vụ) kiêm nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:..... Mã số:.....
Bậc lương:..... Hệ số:..... Ngày hưởng:/...../..... Phụ cấp chức danh:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Th.s, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:..... 15.4-Quản lý nhà nước:
- (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự.)
- 15.5-Trình độ nghiệp vụ theo chuyên ngành:.....
- 15.6-Ngoại ngữ:..... 15.7-Tin học:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ: TS, Ths, DH, Bậc 1 đến bậc 6) (Trình độ: TS, Ths, DH, Kỹ năng 01 đến Kỹ năng 15)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, ... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 19.1- Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú, ...)
- 19.2- Học hàm được phong (Giáo sư, Phó giáo sư):..... Năm được phong:.....
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:..... 22) Kỷ luật :
- (Hình thức cao nhất, năm nào?) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào?)
- 23) Tình trạng sức khỏe:..... Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg, Nhóm máu:.....
- 24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:...../...../.....26) Số BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Ghi chú:

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, từ xa, liên thông, bồi dưỡng.
- Văn bằng, chứng chỉ: TSKH, TS, chuyên khoa II, Ths, chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ,...

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đang, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội) kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

.....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm																				
Mã số																				
Bậc lương																				
Hệ số lương																				

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

Người khai
 Tôi xin cam đoan những lời
 khai trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 20.....
Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

13. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên cơ sở đề nghị của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; lập Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Bước 2: UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Căn cứ kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng.

- Bước 4: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 6: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tổ chức thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Bước 8: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Bước 9: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

Thành phần hồ sơ: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ thăng hạng chức danh nghề nghiệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV).

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định; nhận xét cụ thể về:

+ Trình độ đào tạo.

+ Từng tiêu chí theo yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các CDNN dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định.

+ Nhận xét về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng CDNN (gồm: Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 bản photo công chứng, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 của cả cơ quan, đơn vị).

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân: Quyết định tuyển dụng, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định CDNN khác (nếu có thay đổi CDNN trong quá trình công tác) quyết định lương hiện hưởng.

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức.

Phí, lệ phí (nếu có): Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sơ yếu lý lịch viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV.

Yêu cầu, điều kiện: Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015, được sửa đổi tại Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022. Cụ thể:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm hoặc ngành, chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải

duyệt, môi trường, địa lý, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, tài nguyên và môi trường.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Thành thạo trong hoạt động quan trắc; lập được báo cáo quan trắc thành phần tài nguyên môi trường.

- Nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quan trắc và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị quan trắc, an toàn lao động.

- Nắm được Điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm tài nguyên và môi trường, thông tin khoa học, kỹ thuật, công nghệ về quan trắc trong và ngoài nước.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Viên chức thăng hạng từ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV lên chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III phải có thời gian giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức năm 2010.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020.

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định.

Cơ quan quản lý viên chức.....Số hiệu viên chức.....
Đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính (nam, nữ):.....
4) Nơi sinh: Xã/Phường.....Huyện/Quận.....Tỉnh/Thành phố.....
5) Quê quán: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 6) Dân tộc:..... 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../..... Cơ quan, đơn vị tuyển dụng:.....
- 12.1- Chức danh (chức vụ) công tác hiện tại:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 12.2- Chức danh (chức vụ) kiêm nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:..... Mã số:.....
Bậc lương:..... Hệ số:..... Ngày hưởng:/...../..... Phụ cấp chức danh:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Th.s, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:..... 15.4-Quản lý nhà nước:
- (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự.)
- 15.5-Trình độ nghiệp vụ theo chuyên ngành:.....
- 15.6-Ngoại ngữ:..... 15.7-Tin học:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ: TS, Ths, DH, Bậc 1 đến bậc 6) (Trình độ: TS, Ths, DH, Kỹ năng 01 đến Kỹ năng 15)
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, ... và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 19.1- Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú, ...)
- 19.2- Học hàm được phong (Giáo sư, Phó giáo sư):..... Năm được phong:.....
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:..... 22) Kỷ luật :
- (Hình thức cao nhất, năm nào?) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào?)
- 23) Tình trạng sức khỏe:..... Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg, Nhóm máu:.....
- 24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:...../...../.....26) Số BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Ghi chú:

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, từ xa, liên thông, bồi dưỡng.
- Văn bằng, chứng chỉ: TSKH, TS, chuyên khoa II, Ths, chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ,...

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đang, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội) kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

.....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối	Họ và tên	Năm	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác,

quan hệ	sinh	học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm																		
Mã số																		
Bậc lương																		
Hệ số lương																		

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai
 Tôi xin cam đoan những lời
 khai trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 20.....
Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

14. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên cơ sở đề nghị của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở; lập Tờ trình trình UBND tỉnh đề nghị phê duyệt chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

- Bước 2: UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 3: Sở Tài nguyên và Môi trường lập Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Căn cứ kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, các đơn vị sự nghiệp công lập đăng ký danh sách viên chức đủ điều kiện dự xét thăng hạng.

- Bước 4: Tổ chức tiếp nhận hồ sơ

- Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Bước 6: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức tổ chức thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng.

- Bước 8: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Bước 9: Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với các viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Nội vụ.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

Thành phần hồ sơ: Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, gồm:

- Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ thăng hạng chức danh nghề

nghịệp và có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng hoặc quản lý viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV).

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN của viên chức theo quy định; nhận xét cụ thể về:

+ Trình độ đào tạo.

+ Từng tiêu chí theo yêu cầu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đối với các CDNN dự xét thăng hạng của viên chức theo quy định.

+ Nhận xét về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng CDNN (gồm: Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 bản photo công chứng, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2023 của cả cơ quan, đơn vị).

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN ngày 08/01/2024 của Bộ Nội vụ hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân: Quyết định tuyển dụng, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định CDNN khác (nếu có thay đổi CDNN trong quá trình công tác) quyết định lương hiện hưởng.

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của CDNN dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức.

Phí, lệ phí (nếu có): Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Sơ yếu lý lịch viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT- BNV.

Yêu cầu, điều kiện: Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định tại Điều 5, Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV

ngày 08/12/2015, được sửa đổi tại Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022. Cụ thể:

Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với khung năng lực của vị trí việc làm hoặc ngành, chuyên ngành bản đồ, trắc địa, đất đai, địa chính, địa lý, viễn thám.

- Có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ.

Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Am hiểu pháp luật đất đai.

- Có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành liên quan đến đo đạc bản đồ;

- Nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật và các quy định khác về đo đạc bản đồ.

- Có khả năng triển khai thực hiện công tác xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Viên chức thăng hạng từ chức danh đo đạc bản đồ viên hạng IV lên chức danh đo đạc bản đồ viên hạng III phải có thời gian giữ chức danh đo đạc bản đồ viên hạng IV ít nhất 01 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký thăng hạng”.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức năm 2010.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định.

Cơ quan quản lý viên chức.....Số hiệu viên chức.....
Đơn vị sử dụng viên chức

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính (nam, nữ):.....
 4) Nơi sinh: Xã/Phường.....Huyện/Quận.....Tỉnh/Thành phố.....
 5) Quê quán: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 6) Dân tộc:..... 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../..... Cơ quan, đơn vị tuyển dụng:.....
- 12.1- Chức danh (chức vụ) công tác hiện tại:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 12.2- Chức danh (chức vụ) kiêm nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:..... Mã số:.....
 Bậc lương:..... Hệ số:..... Ngày hưởng:/...../..... Phụ cấp chức danh:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Th.s, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:..... 15.4-Quản lý nhà nước:
- (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự.)*
- 15.5-Trình độ nghiệp vụ theo chuyên ngành:.....
- 15.6-Ngoại ngữ:..... 15.7-Tin học:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ: TS, Ths, DH, Bậc 1 đến bậc 6) (Trình độ: TS, Ths, DH, Kỹ năng 01 đến Kỹ năng 15)*
- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:...../...../.....
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 19.1- Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú, ...)
- 19.2- Học hàm được phong (Giáo sư, Phó giáo sư):..... Năm được phong:.....
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:..... 22) Kỷ luật :
- (Hình thức cao nhất, năm nào?) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào?)*
- 23) Tình trạng sức khỏe:..... Chiều cao:....., Cân nặng:.....kg, Nhóm máu:.....
- 24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....

(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, Dioxin)

25) Số chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:...../...../.....26) Số BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Ghi chú:

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, từ xa, liên thông, bồi dưỡng.
- Văn bằng, chứng chỉ: TSKH, TS, chuyên khoa II, Ths, chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ,...

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đang, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội) kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...):

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu...?):

.....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ...)?

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

b) Về bên vợ (hoặc chồng): Cha, Mẹ, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA VIÊN CHỨC

Tháng/năm										
Mã số										
Bậc lương										
Hệ số lương										

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời
 khai trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp huyện rà soát, lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện báo cáo UBND tỉnh.

- Bước 2: UBND tỉnh tổng hợp hoặc giao Sở Tài nguyên và Môi trường/Sở Công thương tổng hợp.

Cách thức thực hiện: Không quy định

Thành phần hồ sơ:

- Văn bản của UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

Kết quả thực hiện: Danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn huyện.

Phí, lệ phí: Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp xã chủ trì xây phương án bảo vệ môi trường cho các làng nghề trên địa bàn xã.

- Bước 2: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

- Bước 3: UBND cấp huyện phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề.

Cách thức thực hiện: Không quy định.

Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của UBND xã.
- Văn bản thẩm định của Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND huyện.
- Quyết định của UBND cấp huyện về việc phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề.

Số lượng hồ sơ:

Thời hạn giải quyết: Không quy định.

Cơ quan giải quyết: UBND cấp xã.

Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề.

Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/2020.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.